UBND TỈNH TÂY NINH **BAN CHỈ ĐẠO PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3966 /KH-BCĐ	*Tây Ninh, ngày 20 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Kế hoạch số 1441/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non năm 2026 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ năm 2026 thuộc lộ trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP và Kế hoạch số 1441/KH-UBND; đồng thời tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định.

Nâng cao trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cơ sở giáo dục mầm non, gia đình và toàn xã hội trong việc huy động trẻ

em đến trường, bảo đảm các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị, dữ liệu và nguồn lực thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non.

Tổ chức điều tra, quản lý đầy đủ, chính xác trẻ em từ 0 đến 5 tuổi trên địa bàn, làm cơ sở huy động trẻ đến trường, xác định đối tượng phổ cập, dự báo quy mô phát triển trường, lớp và nhu cầu về đội ngũ, cơ sở vật chất trong từng năm.

2. Yêu cầu

Việc triển khai phải bám sát các quy định hiện hành, lộ trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và điều kiện thực tế của từng địa phương; xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, tiến độ và kết quả cần đạt của từng cơ quan, đơn vị.

Số liệu điều tra trẻ em từ 0 đến 5 tuổi phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, không bỏ sót, không trùng lặp; được rà soát, đối chiếu với dữ liệu dân cư và cập nhật kịp thời khi có biến động.

Việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi không làm gián đoạn nhiệm vụ duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; bảo đảm đồng thời cả hai nhiệm vụ trong quá trình chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả.

Ưu tiên nguồn lực cho vùng biên giới, vùng khó khăn, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung và địa bàn có tốc độ tăng dân số cơ học cao.

Việc tổ chức thực hiện phải gắn với trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, cơ sở giáo dục; đồng thời, kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2026

1. Mục tiêu chung

Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập giáo dục mầm non năm 2026; từng bước bảo đảm các điều kiện để thực hiện lộ trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2026-2030, đồng thời giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên phạm vi toàn tỉnh.

Trong Kế hoạch này, trẻ em từ 3 đến 5 tuổi thuộc đối tượng thực hiện lộ trình phổ cập gồm trẻ 3-4 tuổi và trẻ 4-5 tuổi; trẻ em 5 tuổi thuộc đối tượng duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi là trẻ 5-6 tuổi.

2. Chỉ tiêu cụ thể

a) Về điều tra, quản lý dữ liệu

- 100% xã, phường tổ chức điều tra, rà soát, cập nhật và quản lý đầy đủ trẻ em từ 0 đến 5 tuổi trên địa bàn.

- Dữ liệu trẻ em được phân loại theo từng độ tuổi, tình trạng đi học, nơi học và địa bàn cư trú; được rà soát, đối chiếu với dữ liệu dân cư, bảo đảm không bỏ sót, không trùng lặp.

- 100% xã, phường cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu phổ cập giáo dục mầm non trên hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo quy định.

b) Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi

- Có 04/96 xã, phường được kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo lộ trình năm 2026, đạt tỷ lệ 4,17%.

- Các xã, phường đăng ký đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non năm 2026 có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết theo từng tiêu chí; tổ chức tự đánh giá, khắc phục các tiêu chí chưa đạt và hoàn thành trước thời điểm đề nghị kiểm tra, công nhận.

- Các xã, phường còn lại rà soát hiện trạng, xác định khoảng cách so với tiêu chuẩn, xây dựng lộ trình và giải pháp cụ thể để thực hiện trong các năm tiếp theo.

- Tăng tỷ lệ huy động trẻ 3-4 tuổi và trẻ 4-5 tuổi đến trường; ưu tiên các địa bàn có tỷ lệ huy động thấp, vùng biên giới, khu công nghiệp và khu vực có đông công nhân, người lao động.

- Bảo đảm trẻ em trong độ tuổi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non và được thụ hưởng đầy đủ các chính sách theo quy định.

c) Về duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- 96/96 xã, phường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Duy trì tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đến lớp và tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non theo tiêu chuẩn quy định.

- Bảo đảm đủ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi; giáo viên được hưởng đầy đủ chế độ, chính sách, đạt chuẩn trình độ đào tạo và đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp.

- Bảo đảm mỗi lớp mẫu giáo 5 tuổi có phòng học an toàn, đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu; có nước sạch, công trình vệ sinh và sân chơi theo quy định.

Nghị định số 20/2014/NĐ-CP quy định đối với cấp xã, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp đạt ít nhất 95%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%; tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%, đối với địa bàn đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.

d) Về các điều kiện bảo đảm

- 100% xã, phường hoàn thành rà soát mạng lưới trường, lớp, đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhu cầu đầu tư phục vụ phổ cập giáo dục mầm non.

- Các địa phương xác định nhu cầu tuyển dụng giáo viên phù hợp với quy mô phát triển trẻ, nhóm, lớp và định mức giáo viên theo quy định.

- 100% cán bộ, công chức được giao phụ trách công tác phổ cập và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non được hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, cập nhật dữ liệu, lập hồ sơ, tự kiểm tra và báo cáo kết quả phổ cập.

- Các chính sách hỗ trợ trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non được triển khai đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch.

100% xã, phường xây dựng kế hoạch khắc phục các tiêu chí chưa đạt, trong đó xác định rõ nội dung, tiến độ thực hiện, nguồn lực và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị liên quan.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác chỉ đạo và tuyên truyền

Tiếp tục quán triệt, triển khai Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, Nghị định số 277/2025/NĐ-CP, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT, Kế hoạch số 1441/KH-UBND và các văn bản có liên quan đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ sở giáo dục mầm non.

Tuyên truyền đầy đủ về mục tiêu, ý nghĩa, đối tượng và trách nhiệm thực hiện phổ cập giáo dục mầm non; làm rõ nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi được triển khai song song với việc duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động gia đình đưa trẻ đến trường; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật và trẻ em tại các địa bàn khó huy động.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, địa phương; đưa kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non vào nội dung theo dõi, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục tại địa phương.

2. Điều tra, quản lý và cập nhật dữ liệu trẻ em từ 0 đến 5 tuổi

Tổ chức điều tra, rà soát đầy đủ trẻ em từ 0 đến 5 tuổi theo địa bàn dân cư; thu thập, cập nhật chính xác các thông tin cơ bản về trẻ, nơi cư trú, tình trạng đi học, cơ sở giáo dục đang theo học và các thông tin cần thiết khác theo biểu mẫu quy định.

Phối hợp với cơ quan Công an rà soát, đối chiếu thông tin dân cư; cập nhật kịp thời các trường hợp trẻ mới sinh, chuyển đến, chuyển đi, thay đổi nơi cư trú, thay đổi tình trạng đi học hoặc học ngoài địa bàn.

Đối chiếu dữ liệu điều tra với danh sách trẻ đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non (bao gồm công lập và ngoài công lập); làm rõ các trường hợp trẻ chưa đến trường, trẻ học ngoài địa bàn, trẻ tạm trú và trẻ chưa được cập nhật trên hệ thống.

Cập nhật, quản lý dữ liệu thống nhất trên hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; định kỳ rà soát, điều chỉnh số liệu, bảo đảm đầy đủ, chính xác và thống nhất giữa hồ sơ giấy với dữ liệu điện tử.

Sử dụng kết quả điều tra trẻ em từ 0 đến 5 tuổi để dự báo quy mô trẻ đến trường, nhu cầu mở nhóm, lớp, xây dựng phòng học, tuyển dụng giáo viên và chuẩn bị các điều kiện thực hiện phổ cập trong những năm tiếp theo.

Định kỳ đối chiếu, rà soát và cập nhật dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và kết quả điều tra thực tế nhằm bảo đảm tính thống nhất, chính xác của số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra và công nhận phổ cập giáo dục mầm non.

3. Huy động trẻ đến trường, duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Căn cứ kết quả điều tra trẻ em từ 0 đến 5 tuổi, xác định chính xác số trẻ thuộc từng độ tuổi phải huy động; xây dựng chỉ tiêu và giải pháp huy động phù hợp với điều kiện từng địa bàn.

Tập trung huy động trẻ 3-4 tuổi và trẻ 4-5 tuổi đến trường theo lộ trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; ưu tiên địa bàn có tỷ lệ huy động thấp, vùng biên giới, vùng khó khăn, khu công nghiệp và khu dân cư tập trung.

Tiếp tục huy động và duy trì trẻ 5-6 tuổi đến lớp, bảo đảm giữ vững các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; theo dõi chặt chẽ tình trạng chuyên cần và hạn chế trẻ bỏ học.

Phân công cán bộ, công chức, các tổ chức đoàn thể và cơ sở giáo dục phụ trách địa bàn, phối hợp đến từng hộ gia đình có trẻ chưa đi học để tuyên truyền, vận động và xác định nguyên nhân, giải pháp hỗ trợ phù hợp.

Đối với các địa bàn có tỷ lệ huy động trẻ đến trường thấp, phải xây dựng kế hoạch vận động riêng; rà soát, xác định nguyên nhân đối với từng nhóm trẻ chưa đến trường để triển khai các giải pháp phù hợp, nâng cao tỷ lệ huy động.

Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm chất lượng; tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ; quan tâm trẻ em khuyết tật học hòa nhập, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em dân tộc thiểu số.

4. Rà soát, phát triển mạng lưới trường, lớp

Rà soát mạng lưới trường, điểm trường, cơ sở giáo dục mầm non độc lập, quy mô nhóm, lớp và khả năng đáp ứng nhu cầu gửi trẻ tại từng địa bàn.

Căn cứ dữ liệu trẻ em từ 0 đến 5 tuổi và dự báo dân số, xây dựng phương án phát triển trường, lớp phù hợp; ưu tiên bố trí chỗ học tại khu công nghiệp, khu dân cư mới, khu vực đô thị hóa nhanh, vùng biên giới và địa bàn có tốc độ tăng dân số cơ học cao.

Việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non phải bảo đảm không làm giảm số nhóm, lớp cần thiết, không ảnh hưởng đến quyền được đến trường của trẻ em và không làm giảm khả năng hoàn thành các mục tiêu phổ cập.

Rà soát, bố trí quỹ đất, trụ sở, công trình công dôi dư phù hợp để phát triển cơ sở giáo dục mầm non; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập tại địa bàn có nhu cầu cao.

Ưu tiên bố trí đủ phòng học cho các xã đăng ký đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non năm 2026; rà soát, tổng hợp nhu cầu đầu tư trung hạn để bổ sung phòng học tại các địa phương còn thiếu.

5. Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Rà soát phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, sân chơi, công trình vệ sinh, nước sạch, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của các cơ sở giáo dục mầm non; xác định rõ hạng mục đã đáp ứng, chưa đáp ứng và nhu cầu đầu tư.

Tiếp tục triển khai các đề án, dự án đầu tư xây dựng phòng học, phòng chức năng và mua sắm trang thiết bị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; ưu tiên các địa phương đăng ký đạt chuẩn năm 2026 và địa bàn còn thiếu điều kiện thực hiện phổ cập.

Đối với lớp mẫu giáo 5 tuổi, tiếp tục bảo đảm các điều kiện về phòng học, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học, sân chơi, nước sạch và công trình vệ sinh theo quy định về duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT quy định lớp mẫu giáo 5 tuổi phải có đủ phòng học, thiết bị tối thiểu và các điều kiện an toàn, vệ sinh phục vụ trẻ.

Lồng ghép nguồn vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu, chương trình xây dựng nông thôn mới, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư, sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất.

Không sử dụng các phòng học, công trình không bảo đảm an toàn; kịp thời sửa chữa, khắc phục các hạng mục xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn đối với trẻ.

Bảo đảm không để phát sinh tình trạng thiếu phòng học, thiếu trang thiết bị dạy học tối thiểu, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện phổ cập giáo dục mầm non.

6. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Rà soát vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu và trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non; xác định nhu cầu đội ngũ phù hợp với quy mô phát triển trẻ em, nhóm, lớp và yêu cầu thực hiện lộ trình phổ cập giáo dục mầm non.

Căn cứ quy mô trẻ em trong độ tuổi phổ cập giáo dục mầm non, dự báo phát triển nhóm, lớp và lộ trình thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, các địa phương rà soát, xác định nhu cầu tuyển dụng, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo định mức tối đa quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền tuyển dụng, điều động hoặc thực hiện các giải pháp bố trí giáo viên theo quy định nhằm bảo đảm đủ đội ngũ thực hiện lộ trình phổ cập.

Ưu tiên bố trí đủ giáo viên cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi nhằm duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đồng thời bảo đảm đủ đội ngũ giáo viên đối với các xã, phường đăng ký đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm 2026 và các địa bàn có số lượng trẻ tăng nhanh.

Rà soát, bố trí đầy đủ các vị trí việc làm chuyên môn dùng chung và vị trí hỗ trợ, phục vụ trong các cơ sở giáo dục mầm non theo quy định; trường hợp chưa bảo đảm biên chế thì chủ động thực hiện các giải pháp bố trí, hợp đồng lao động theo quy định nhằm đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; chú trọng bồi dưỡng về thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, giáo dục hòa nhập, công tác phổ cập, điều tra, cập nhật dữ liệu, xây dựng hồ sơ và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định; tạo điều kiện để đội ngũ được đào tạo, bồi dưỡng, nâng chuẩn trình độ và đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

7. Thực hiện các chính sách hỗ trợ

Tổ chức rà soát, lập danh sách đầy đủ các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan; bảo đảm không bỏ sót đối tượng đủ điều kiện.

Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên mới tuyển dụng, người trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ phổ cập và cơ sở giáo dục mầm non đúng đối tượng, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục và thời gian quy định.

Công khai danh sách đối tượng thụ hưởng, kinh phí và kết quả chi trả; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ, bảo đảm đúng đối tượng, đúng chế độ, công khai, minh bạch, kịp thời, không để xảy ra tình trạng chi sai đối tượng hoặc chậm chi trả.

Kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

8. Xây dựng hồ sơ, tự kiểm tra và công nhận kết quả phổ cập

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng, cập nhật đầy đủ hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non; bảo đảm số liệu trong báo cáo, biểu thống kê, danh sách trẻ và hệ thống dữ liệu thống nhất.

Tổ chức tự kiểm tra kết quả duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tại 96/96 xã, phường; kịp thời khắc phục các tiêu chí, điều kiện có nguy cơ không bảo đảm. Hồ sơ phổ cập phải được lưu trữ đầy đủ theo quy định.

Đối với 04 xã, phường đăng ký đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm 2026, tổ chức rà soát tiêu chuẩn, điều kiện, hoàn thiện hồ sơ và đề nghị kiểm tra, công nhận theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra hồ sơ, dữ liệu và kiểm tra thực tế; tổng hợp kết quả, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, công nhận theo quy định.

Việc kiểm tra phải kết hợp giữa đánh giá thực hiện lộ trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi với kiểm tra việc duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tránh tổ chức nhiều đợt kiểm tra trùng lặp.

Khuyến khích thực hiện số hóa hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non, bảo đảm thống nhất giữa hồ sơ giấy và dữ liệu điện tử.

9. Kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo

Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc điều tra dữ liệu, huy động trẻ đến trường, thực hiện chế độ chính sách, bảo đảm đội ngũ, cơ sở vật chất và lập hồ sơ phổ cập tại các địa phương.

Sau mỗi đợt kiểm tra, ban hành thông báo kết quả, trong đó xác định rõ ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm và thời hạn khắc phục; yêu cầu địa phương xây dựng kế hoạch khắc phục, báo cáo kết quả thực hiện theo thời hạn quy định; đồng thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra.

Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng, hằng năm và đột xuất theo yêu cầu; số liệu báo cáo phải được kiểm tra, xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác.

Các cơ quan, đơn vị liên quan gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 12 năm 2026 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn:

1. Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đầu tư công có liên quan.

3. Nguồn xã hội hóa giáo dục, tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng dự toán kinh phí, tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét theo quy định.

Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phải đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và

các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non; điều tra, cập nhật dữ liệu; đầu tư phòng học, thiết bị; tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ và kiểm tra công nhận kết quả phổ cập.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực, chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh.

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện điều tra, cập nhật và quản lý dữ liệu trẻ em từ 0 đến 5 tuổi; huy động trẻ đến trường; xây dựng, quản lý hồ sơ phổ cập; tự kiểm tra và báo cáo kết quả.

Chủ trì tổ chức tập huấn nghiệp vụ; kiểm tra việc duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Chủ trì thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế 04 xã, phường đăng ký đạt chuẩn năm 2026; tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, công nhận theo quy định.

Phối hợp với các sở, ngành tham mưu bảo đảm đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và chính sách thực hiện phổ cập.

Tổng hợp kết quả triển khai Kế hoạch; định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định; tham mưu Ban Chỉ đạo chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và đề nghị của các cơ quan, đơn vị, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí; phối hợp kiểm tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát nhu cầu đội ngũ; tham mưu quản lý, bố trí, sử dụng biên chế và tuyển dụng giáo viên mầm non theo quy định.

Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non thuộc phạm vi quản lý.

4. Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng Công an cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và cơ sở giáo dục rà soát, đối chiếu, xác minh thông tin trẻ em từ 0 đến 5 tuổi trên địa bàn.

Phối hợp xử lý các trường hợp thông tin chưa thống nhất, thiếu dữ liệu, biến động nơi cư trú hoặc có nguy cơ bỏ sót, trùng lặp trong điều tra phổ cập.

5. Các sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai công tác tuyên truyền, quy hoạch đất đai, đầu tư xây dựng, y tế trường học, dữ liệu, chuyển đổi số, an toàn thông tin và các điều kiện cần thiết để thực hiện Kế hoạch.

Chủ động lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn lực thuộc lĩnh vực quản lý để hỗ trợ các địa phương thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đưa trẻ trong độ tuổi đến trường, duy trì sĩ số và thực hiện trách nhiệm đối với công tác phổ cập giáo dục mầm non.

Tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ; vận động nguồn lực chăm lo trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non năm 2026 phù hợp với điều kiện địa phương; phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị và cá nhân phụ trách.

Chỉ đạo điều tra, rà soát, cập nhật và quản lý đầy đủ trẻ em từ 0 đến 5 tuổi trên địa bàn; tổ chức đối chiếu dữ liệu với cơ quan Công an và các cơ sở giáo dục, bảo đảm số liệu chính xác, không bỏ sót, không trùng lặp.

Căn cứ kết quả điều tra để giao chỉ tiêu huy động trẻ theo từng độ tuổi; tổ chức vận động trẻ 3-4 tuổi, trẻ 4-5 tuổi đến trường và duy trì trẻ 5-6 tuổi đến lớp.

Rà soát mạng lưới trường, lớp, đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị; xác định nhu cầu và bố trí nguồn lực theo thẩm quyền; đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những nội dung vượt khả năng của địa phương.

Tổ chức tự kiểm tra việc duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đối với địa phương đăng ký đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm 2026, hoàn thiện đầy đủ hồ sơ và các điều kiện đề nghị kiểm tra, công nhận.

Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non; định kỳ báo cáo kết quả về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hồ sơ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu phổ cập giáo dục mầm non trên địa bàn;

định kỳ hằng quý tổ chức rà soát tiến độ thực hiện, kịp thời khắc phục các tiêu chí chưa đạt.

8. Các cơ sở giáo dục mầm non

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện điều tra, rà soát trẻ em từ 0 đến 5 tuổi tại địa bàn được phân công; cung cấp, đối chiếu thông tin trẻ đang học tại cơ sở và cập nhật tình trạng đi học của trẻ.

Xây dựng kế hoạch huy động trẻ; phối hợp với gia đình và các tổ chức liên quan vận động trẻ trong độ tuổi đến trường, duy trì sĩ số.

Thực hiện đầy đủ Chương trình giáo dục mầm non; bảo đảm chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và các điều kiện về an toàn, đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị.

Thực hiện đầy đủ chế độ thống kê, báo cáo; quản lý hồ sơ, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do cơ sở cung cấp.

(Đính kèm phụ lục tiến độ thực hiện năm 2026)

Yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ sở giáo dục mầm non và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch này; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tây Ninh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng VHXH;
- Lưu: VT.

TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN

(Đã ký)

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Phạm Tấn Hòa

Phụ lục
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 3966 /KH-BCĐ ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục mầm non tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non năm 2026.	Tháng 8/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường
2	Điều tra, rà soát, cập nhật dữ liệu trẻ em từ 0 đến 5 tuổi; đối chiếu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cập nhật hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.	Tháng 8 - 9/2026	UBND các xã, phường	Công an cấp xã; các cơ sở GDMN
3	Rà soát mạng lưới trường, lớp; đội ngũ; cơ sở vật chất; trang thiết bị; xác định nhu cầu đầu tư, tuyển dụng giáo viên và xây dựng kế hoạch khắc phục các tiêu chí chưa đạt.	Tháng 8 - 10/2026	UBND các xã, phường	Sở GDĐT, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan
4	Tuyên truyền, vận động trẻ trong độ tuổi đến trường; triển khai các chính sách hỗ trợ; nâng cao tỷ lệ huy động trẻ đến trường.	Thường xuyên	UBND các xã, phường	MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ sở GDMN
5	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ về điều tra, cập nhật dữ liệu, xây dựng hồ sơ và công tác phổ cập giáo dục mầm non.	Tháng 8 - 9/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường
6	Tổ chức tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non.	Tháng 10/2026	UBND các xã, phường	Các cơ sở GDMN
7	04 xã, phường đăng ký đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi năm 2026 hoàn thành việc tự đánh giá, khắc phục các tiêu	Trước ngày 31/10/2026	UBND các xã, phường đăng ký	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	chí chưa đạt và gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra, công nhận.			
8	Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế đối với các xã, phường đăng ký đạt chuẩn; kiểm tra việc duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Tháng 11/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường
9	Tổng hợp kết quả; tham mưu Ban Chỉ đạo và UBND tỉnh xem xét, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non theo quy định.	Tháng 11 - 12/2026	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan
10	Báo cáo kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non năm 2026.	Trước ngày 15/12/2026	UBND các xã, phường; Sở GDĐT	Các cơ quan liên quan
11	Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện năm 2026; xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm 2027.	Tháng 12/2026	Ban Chỉ đạo; Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

**** Lưu ý:*** *Căn cứ tiến độ thực hiện và tình hình thực tế tại địa phương, Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục mầm non tỉnh có thể điều chỉnh thời gian thực hiện một số nhiệm vụ cho phù hợp nhưng phải bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch trong năm 2026.*